

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1334 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp bổ sung gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ II năm học 2018-2019

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định danh mục địa bàn (thôn, bản) và khoảng cách học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính Phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh năm học 2018 - 2019; Quyết định số 580/QĐ-BTC ngày 02/4/2019 của Bộ Tài chính về việc xuất bổ sung gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2018-2019;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-TCĐT ngày 15/01/2019 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2018 - 2019; Quyết định số 230/QĐ-TCĐT ngày 02/04/2019 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất bổ sung gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2018 - 2019;

Căn cứ Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cấp gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ II năm học 2018-2019;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 789/TTr-SGDĐT ngày 10/04/2019 về việc cấp bổ sung gạo học kỳ II năm học 2018-2019 cho học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp bổ sung gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ II năm học 2018-2019, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Số lượng học sinh được cấp bổ sung là: 3.054 học sinh của 27 trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông thuộc huyện Quan Sơn.
2. Số lượng gạo cấp bổ sung là: 52.560 kg.
3. Số tháng cấp bổ sung: 01 tháng

4. Mức hỗ trợ: 15 kg gạo/01 tháng/học sinh.

5. Nguồn gạo hỗ trợ: Từ nguồn dự trữ quốc gia theo Quyết định số 11/QĐ-TCĐT ngày 15/01/2019 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2018 - 2019 và Quyết định số 230/QĐ-TCĐT ngày 02/04/2019 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất bổ sung gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2018 - 2019;

(Nội dung chi tiết về số lượng gạo cấp cho các trường và số lượng học sinh của mỗi trường được hưởng tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hoá có trách nhiệm đóng bao thuận lợi, vận chuyển và giao gạo hỗ trợ học sinh tại điểm trường chính (có đường ô tô) của các trường có học sinh được hỗ trợ, đảm bảo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

2. UBND huyện Quan Sơn và các đơn vị được hỗ trợ gạo có trách nhiệm phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hoá trong công tác giao, nhận gạo hỗ trợ; đồng thời, cấp gạo hỗ trợ kịp thời cho học sinh, đảm bảo đúng đối tượng, mức hỗ trợ theo quy định; tránh để thất thoát, tiêu cực trong quá trình trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Sở Tài chính thẩm định dự toán bổ sung kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm huyện đến các điểm trường chính của các Nhà trường do Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hoá lập, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hoá và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra UBND huyện Quan Sơn thực hiện việc hỗ trợ gạo cho học sinh, đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện.

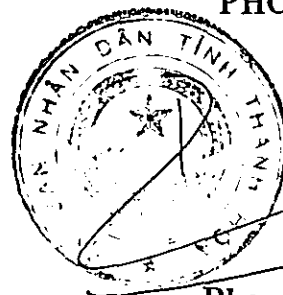
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Trưởng ban Dân tộc tỉnh; Cục trưởng Cục dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hoá; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó Chánh VP UBND tỉnh phụ trách;
- Lưu: VT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



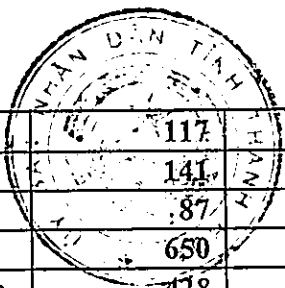
Phạm Đăng Quyền

Phụ lục

**SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ GẠO VÀ SỐ LƯỢNG GẠO CẤP BỔ SUNG
HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018 - 2019 THEO QUY ĐỊNH
TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Huyện/Trường	Tổng số lượng học sinh được hỗ trợ gạo					Định mức hỗ trợ/tháng/H S (15 kg)	Số tháng được hỗ trợ bổ sung HKII năm học 2018 -2019 (01 tháng)	Tổng số gạo trợ bổ sung HKII năm học 2018 - 2019	Ghi chú
		Tổng số	Tiểu học	THCS	THPT					
					Tổng số	DT Kinh				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (3) x (8) x (9)	(11)
1	TH Trung Xuân	91	91				15	1	1.365	
2	TH Trung Hạ	36	36				15	1	540	
3	TH Trung Tiến	19	19				15	1	285	
4	TH Trung Thượng	10	10				15	1	150	
5	TH&THCS Thị Trấn	162	106	56			15	1	2.430	
6	TH Sơn Lư	107	107				15	1	1.605	
7	TH Sơn Hà	115	115				15	1	1.725	
8	TH Tam Lư	108	108				15	1	1.620	
9	TH Tam Thanh	194	194				15	1	2.910	
10	TH Sơn Điện 1	44	44				15	1	660	
11	TH Sơn Điện 2	56	56				15	1	840	
12	TH Mường Mìn	113	113				15	1	1.695	
13	TH Sơn Thủy	74	74				15	1	1.110	
14	TH Na Mèo	133	133				15	1	1.995	
15	THCS Trung Xuân	42		42			15	1	630	
16	BT THCS Trung Hạ	90		90			15	1	1.350	
17	BT THCS Trung Tiến	102		102			15	1	1.530	
18	BT THCS Trung Thượng	65		65			15	1	975	
19	THCS Sơn Lư	116		116			15	1	1.740	
20	BT THCS Sơn Hà	111		111			15	1	1.665	
21	BT THCS Tam Lư	92		92			15	1	1.380	
22	BT THCS Tam Thanh	201		201			15	1	3.015	



23	BT THCS Sơn Điện	117		117			15	1	1.755	
24	BT THCS Sơn Thủy	141		141			15	1	2.115	
25	BT THCS Na Mèo	87		87			15	1	1.305	
26	THPT Quan Sơn	650			650	20	15	1	9.750	
27	THCS&THPT Quan Sơn	428			428	2	15	1	6.420	
	Cộng	3.504	1.206	1.220	1.078	22			52.560	